

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/02/2021

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

+ Ông Trần Ngọc Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Kiều Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện K, Tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Bị đơn: Chị Y Y, sinh năm 1988.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, anh Kiều Văn H là nguyên đơn trình bày: anh và chị Y Y kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với mẹ đẻ anh tại thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, cãi chửi nhau. Ngày 12 tháng 3 năm 2013, chị Y Y đã bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam và cũng kể từ đó cho đến nay đã hơn 07 năm chị

Y Y không về chung sống cùng anh. Từ khi chị Y Y bỏ đi anh đã dùng nhiều biện pháp để tìm kiếm chị Y Y nhưng vẫn không có tin tức gì của chị Y Y nên anh đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tuyên bố một người mất tích đối với chị Y Y theo quy định của pháp luật. Ngày 13/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã mở phiên họp và ra Quyết định số 03/2020/QDDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh, tuyên bố chị Y Y mất tích. Kể từ ngày Tòa án ra Quyết định tuyên bố chị Y Y mất tích cho đến nay chị Y Y vẫn không trở về chung sống cùng với bố con anh lần nào và cũng không có mặt ở địa phương. Chị Y Y đi đâu và làm gì anh không biết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với chị Y Y.

Chị Y Y là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần và được niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

Về con chung: Anh Kiều Văn H và chị Y Y có một con chung là cháu Kiều Thị D, sinh ngày 13/5/2007. Hiện nay cháu đang ở với anh H. Khi ly hôn nguyện vọng của anh H xin được nuôi cháu D, không yêu cầu chị Y Y phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Không có.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 68 của Bộ luật Dân sự. Các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Kiều Văn H: Xử lý hôn giữa anh Kiều Văn H và chị Y Y. Về con chung: Giao cháu Kiều Thị D, sinh ngày 13/5/2007 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Y Y không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh H. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng, dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Kiều Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Y Y là bị đơn; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Y Y đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Văn H và chị Y Y kết hôn với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Lê H, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị sống cùng với mẹ đẻ anh H tại thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Ngày 12 tháng 3 năm 2013, chị Y Y đã bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam và cũng kể từ đó cho đến nay đã hơn 07 năm chị Y Y không về chung sống cùng anh H lần nào nữa. Anh H đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tuyên bố một người mất tích đối với chị Y Y theo quy định của pháp luật và được Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng chấp nhận theo Quyết định số 03/2020/QĐDS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 tuyên bố chị Y Y mất tích. Kể từ ngày Tòa án ra Quyết định một người mất tích đối với chị Y Y cho đến nay, chị Y Y vẫn không trở về chung sống cùng với anh H và cũng không có mặt ở địa phương. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh H và chị Y Y không đạt được, do đó yêu cầu của anh H xin ly hôn chị Y Y là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình ; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự.

[3] Về con chung: Anh H và chị Y Y có một con chung là cháu Kiều Thị D, sinh ngày 13/5/2007. Hiện nay cháu đang ở với anh H, được anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bảo đảm tốt về mọi mặt, ý kiến của cháu D xin được ở với bố và nguyện vọng của anh H khi ly hôn xin được nuôi cháu D, không yêu cầu chị Y Y phải cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu nuôi con của anh H là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H đều trình bày không có.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Kiều Văn H và chị Y Y.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Thị D, sinh ngày 13/5/2007, cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Y Y không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Kiều Văn H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0004243 ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh H đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Y Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt